BẤT ỔN SINH KẾ VÀ DI CƯ LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGÔ PHƯƠNG LAN*

Trong những thập kỷ qua, đi cùng với chính sách đổi mới và sự phát triển kinh tế chung của cả nước, vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã có những bước phát triển rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân toàn vùng đạt 11,7%. Tuy nhiên, khu vực này lại là một trong ba vùng có số lượng người xuất cư nhiều nhất trong cả nước (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 31). Trong đó dòng xuất cư nông thôn - đô thị chiếm tỷ lệ chủ yếu. Dòng di cư giữa các vùng lớn nhất là từ vùng ĐBSCL đến vùng Đông Nam Bộ với hơn 714.000 người (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 34). Di cư lao động hiện đang là một vấn đề nổi bật của các dân tộc ở vùng ĐBSCL, trong đó có người Khmer.

ĐBSCL là khu vực địa lý có đông người Khmer sinh sống nhất cả nước (94%) (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 213-225). Dân số người Khmer hiện có 1.260.640 người, trong đó chủ yếu sinh sống ở vùng nông thôn (84%) và là một trong năm dân tộc có dân số đông ở Việt Nam (Tổng cục thống kê, 2009, tr. 134).

Để lý giải về các quyết định di dân, các công trình nghiên cứu đã dựa vào yếu tố kinh tế (Ravenstein 1889), khía cạnh xã hội, các nguyên nhân có liên quan đến môi trường tự nhiên (thiên tai), nhân khẩu học (Todaro 1997, Loi 2005), đặc điểm cá nhân (tuổi tác, học vấn) của người di cư (Mark và Oded 1997), khoảng cách địa lý (Sang 2007), suy giảm diện tích đất đai nông nghiệp và áp lực dân số Hawley (1950) (Huynh Truong Huy, 2009, tr. 3-4) và (Le Thanh Sang, 2007, tr. 94).

Về di cư lao động của người Khmer, các công trình nghiên cứu (Phillip Taylor, 2007, Huynh Truong Huy, 2009, Nguyễn Thị Hòa, 2009) đều chứng minh vai trò tích cực của di cư lao động, đó là sự đóng góp quan trọng về mặt kinh tế cho người di cư và thu nhập của gia đình người Khmer. Các nghiên cứu còn cung cấp một số đặc điểm của bức tranh di cư lao động của cộng đồng người Khmer: nơi đến của di cư lao động Khmer là Tp. Hồ Chí Minh và Bình Dương, công việc phi chính thức chủ yếu như xây dựng, phụ quán và giúp việc, đa số họ là những lao động trẻ di cư, nguyên nhân di cư chủ yếu do yếu tố kinh tế. Cuộc sống của người Khmer di cư ít được quan tâm. Đặt trong mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế hộ gia đình và các chính sách của nhà nước, nghiên cứu của Taylor (2007) cho thấy, di cư lao động là một nguồn đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình Khmer nhưng sự phát triển kinh tế này không phải là kết quả của các chương trình phát triển nông thôn mà là kết quả của các chiến lược có liên quan đến nguồn lực "vốn xã hội" của người Khmer như là những "hành trình cong thay thế" (alternative trajectories).

* TS.; Khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH & NV. ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

Trong khuôn khổ bài viết này, để làm rõ thêm cường độ, động thái và các sắc thái của quá trình di cư lao động của người Khmer, chúng tôi tập trung phân tích ở góc độ *bất ổn sinh kế* như một lực đẩy quan trọng của quá trình này. Trên cơ sở phân tích các tác động của di cư lao động, bài viết cũng nhận diện những thách thức hiện nay cho sự phát triển của cộng đồng người Khmer vùng nông thôn ĐBSCL.

Dữ liệu phân tích của bài viết này thu thập trong hai đợt khảo sát vào năm 2010 và 2011 tại tỉnh Trà Vinh, tỉnh có đông người Khmer sinh sống ở vùng ĐBSCL. Địa điểm khảo sát là ấp Trà Kháo, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè và ấp Sơn Lang, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Đây là hai xã có người Khmer chiếm hơn 50% dân số và hơn 90% dân số của xã làm nông nghiệp. Các cư dân tại hai địa điểm nghiên cứu sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp (Trà Kháo) và nuôi trồng thủy sản (Sơn Lang) vốn là hai lĩnh vực kinh tế nông nghiệp quan trọng hiện nay ở ĐBSCL. Nghiên cứu trường hợp cấp độ vi mô của chúng tôi về hiện tượng di cư lao động theo hướng bất ổn sinh kế sẽ là một trong những cách lý giải cho nghịch lý của vùng về tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với di cư lao động.

1. Các chính sách phát triển kinh tế và sinh kế của người Khmer ở vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

1.1 Chính sách phát triển kinh tế ở cộng đồng người Khmer

Vì là xã nghèo của tỉnh Trà Vinh nên cả hai xã nghiên cứu nhận được nhiều chương trình đầu tư của nhà nước, đặc biệt là các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo như Quyết định 81 về hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo đón tết Nguyên đán, Quyết định 74, 134, 167 về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, Quyết định 289 về hỗ trợ dầu hỏa thắp sáng cho hộ nghèo, Chương trình trợ giá-trợ cước (muối i ốt, lúa giống), Chương trình 135 về xây dựng cơ sở hạ tầng, Chương trình 35 về trường-trạm, Chương trình trợ giúp pháp lý, Quyết định 32 về hỗ trợ vốn sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số,... Các chương trình này là những nỗ lực lớn của chính quyền với kỳ vọng đây sẽ là những lực đẩy cho sự phát triển kinh tế của người dân trong đó có bộ phận dân tộc thiểu số người Khmer. Đối với các xã nghèo thuộc Chương trình 135, sự cải thiện dễ nhận thấy nhất là cơ sở hạ tầng với đường giao thông và hệ thống trường, chợ được xây cất khang trang. Tuy nhiên, theo chúng tôi, mặc dù có rất nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế bao gồm cả gián tiếp và trực tiếp nhưng các chương trình này vẫn chưa có tác động sâu rộng trong cộng đồng người Khmer ở hai địa bàn khảo sát. Qua phân tích chúng tôi thấy, *cơ chế thực hiện* và *đặc điểm tính chất hỗ trợ* của các chính sách đang được thực hiện là hai nguyên nhân quan trọng làm giảm tính hiệu quả của chúng.

Ở hai địa bàn khảo sát, hình thức chủ yếu của các chương trình phát triển kinh tế hay hỗ trợ sản xuất là cho vay vốn với lãi suất ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật qua các chương trình khuyến nông. Tuy nhiên, cũng như các địa phương khác ở vùng ĐBSCL, kênh thông tin cũng như trực tiếp thực hiện các chính sách tại các địa phương là thông qua các tổ chức đoàn thể, cụ thể là Hội nông dân, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên. Do vậy,

đối tượng hưởng lợi của các chương trình này thường là hội viên của các tổ chức này với việc hình thành các tổ sản xuất vay vốn. Trong quá trình khảo sát về sự tham gia vào các tổ chức đoàn thể tại địa phương và mức độ hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ phát triển của nhà nước, chúng tôi nhận thấy tồn tại thực trạng người Khmer chưa biết đến nhiều và ít quan tâm đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại địa phương, thậm chí cả khi họ có tham gia và được hưởng lợi từ các chương trình vay vốn như một số trường hợp sau:

"Không biết có hội gì...có thấy họp gì đâu. Lâu lâu mấy ổng cũng có cho tiền, cũng có giúp đỡ xây nhà cửa... Tui không có vay, biết gì đâu mà vay... không ai thông báo." (phụ nữ Khmer, 56 tuổi, Trà Vinh).

"Những nhà có điều kiện thì dễ được người ta để ý cho vô [Hội phụ nữ], còn chị em nghèo thì khó lắm, người ta ít khi tới... Chẳng hiểu vì sao xin [vào Hội phụ nữ] nhiều lần mà người ta nói đủ người và không thông báo lúc cần thêm người... rất mong muốn được tham gia để vay vốn dễ dàng hơn, không trả lãi như việc đi vay của người ta [vay bên ngoài với lãi suất cao]."(nữ, Khmer, 50 tuổi, Trà Vinh).

"Riêng người Khmer do ở vùng xa nên cũng chưa có điều kiện vào đó tuyên truyền [vào Hội], họ chỉ mới tham gia 1 năm lại đây để có thể vay vốn và có sự hỗ trợ khi gặp khó khăn." (cán bộ Hội phụ nữ, nữ, dân tộc Kinh, 45 tuổi, Trà Vinh)

Theo chính quyền, bản thân người Khmer và quan sát của chúng tôi cho thấy, lý do người Khmer không tiếp cận được với các chương trình phát triển kinh tế này hay không am hiểu về tổ chức của các hội đoàn tại địa phương là do có một bộ phận người Khmer không thông thạo tiếng Việt hoặc do thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không gắn bó với các hoạt động tại địa phương. Sở dĩ ngôn ngữ là một rào cản quan trọng trong việc tiếp cận với các chương trình phát triển kinh tế vì hiện nay ở các vùng nông thôn ĐBSCL, nơi có người Khmer sinh sống, việc hướng dẫn vay vốn, sinh hoạt của các tổ chức đoàn hội và công tác khuyến nông với nhiều kiến thức "phức tạp" đều thực hiện bằng tiếng Việt khiến cho người Khmer khó tiếp thu các kiến thức được chuyển tải. Rào cản ngôn ngữ khiến cho một bộ phận người Khmer tự ngoại lề hóa bản thân mình trong các hoạt động chung của địa phương hoặc nếu có tham gia cũng không thể nắm được nội dung sinh hoạt. Thay vào đó, họ gắn kết chủ yếu với các hoạt động của cộng đồng tộc người diễn ra tại các chùa Phật giáo Theravada, nơi mà họ có thể giao tiếp thoải mái bằng tiếng Khmer.

"Tôi trò chuyện với bác Kim Khôi, trưởng ban quản trị chùa về một số tập tục của người Khmer. Tuy nhiên câu trả lời thu được vẫn chưa làm tôi cảm thấy thỏa mãn, cứ thấy thiếu thiếu một điều gì đó. Có vẻ như bác Kim Khôi cũng không rành tiếng Việt lắm nên việc trao đổi và giải thích gặp nhiều khó khăn. Có nhiều lúc bác muốn giải thích cho tôi hiểu nhưng không biết phải dùng tiếng Việt như thế nào để diễn tả. Tôi ngạc nhiên về chuyện này vì lúc nói chuyện, chào hỏi với bác, thấy bác nói chuyện tiếng Việt rất rành. Sau này khi chúng tôi dự định làm thảo luận nhóm về việc người Khmer tham gia vào các sinh hoạt tại địa phương, nhóm chúng tôi cũng gặp khó khăn tương tự. Những người tham gia thảo luận bằng tiếng Khmer là chủ yếu và chỉ đưa ra kết quả thảo

luận bằng tiếng Việt. (Trích nhật ký điền dã năm 2011).

Bên cạnh đó, dù các chương trình vay vốn với lãi suất ưu đãi là một nguồn vốn hỗ trợ quan trọng đối với người Khmer nhưng do có tính chất hỗ trợ tạm thời nên số vốn vay từ các chương trình còn hạn chế, không đủ để phát triển kinh tế hộ trong khi hộ có những đặc điểm kinh tế khó khăn đặc thù. Chính vì nguyên nhân số vốn vay ít cộng với hoàn cảnh kinh tế khó khăn của người được vay, đặc biệt là những hộ không có đất canh tác nên việc sử dụng sai mục đích hay không vay nguồn vay phát triển sản xuất còn phổ biến trong cộng đồng người Khmer. Chẳng hạn như ở chương trình cho vay tiền mua bò nuôi để phát triển kinh tế dành cho hộ nghèo người Khmer. Do có những năm số tiền cho vay không đủ để mua bò, hay do điều kiện kinh tế khó khăn phải bán bò sớm, hoặc không có đất chăn thả,... nên nhiều hộ đã chuyển mục đích sử dụng số tiền vay này, do số tiền cho vay chỉ mang tính chất hỗ trợ nên cũng không thể giải quyết cơ bản nguyên nhân nghèo. Một hộ nghèo Khmer hưởng lợi từ chương trình vay nuôi bò cho biết chi tiết:

"Nhà nước cho vay 10 triệu. Hồi đó nhà mình không có gì ăn thì người ta cho mượn mà từ đó đến giờ đã có đâu mà trả. Mỗi tháng mình đóng lợi cho người ta vậy đó. Vay của người ta (vay bên ngoài) là 3 triệu, mượn của chị 2 triệu nữa là 5 triệu. Còn Nhà nước là 10 triệu, là nợ bò đó. "Có mấy con bò trước nó đẻ được, nhưng thiếu tiền ăn thì cũng phải bán. Mình bán [bò khi] nhỏ, không có lớn nên đâu được nhiều tiền. Được có 2 đến 3 triệu một con à. Kẹt tiền thì bán mua gạo ăn. Đâu có ruộng mà mần nên đâu có gì ăn,... có nhiều người nuôi bò chết còn mệt nữa nên phải lo đi mần mà trả nợ."

Như vậy, hiện nay ở cộng đồng người Khmer vùng nông thôn ĐBSCL tuy có nhiều chương trình và chính sách hỗ trợ nhưng sinh kế của các cư dân vẫn còn nhiều bất ổn do các yếu tố chủ quan và khách quan đan xen với nhau làm giảm tính hiệu quả lâu dài của các chương trình hỗ trợ này.

1.2 Sinh kế của nông dân Khmer

Cộng đồng người Khmer ở hai địa bàn nghiên cứu sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Các nghề nghiệp phổ biến là trồng lúa, trồng hoa màu (hoa màu lương thực và hoa màu thực phẩm), cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi gia súc-gia cầm, nuôi trồng thủy sản và đi làm mướn. Công việc làm mướn trong nông nghiệp tại địa phương của nam giới chủ yếu như là cuốc đất, làm cỏ, khuân vác; nữ giới làm các việc như làm cỏ, cắt lúa, cấy dặm lúa. Tiền công lao động đối với nam giới là 80.000-90.000đ/ ngày, nữ giới 60.000đ/ ngày, cơm nước người đi làm thuê phải tự lo. Sở dĩ có sự chênh lệch tiền công lao động giữa nam giới và nữ giới là do "nam giới có sức hơn, làm các công việc nặng nhọc hơn". Làm mướn là một công việc phổ biến để đa dạng nguồn thu nhập cho cá nhân và hộ gia đình người Khmer kể cả nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Tuy sống bằng nông nghiệp nhưng diện tích đất sản xuất ít và thu nhập bấp bênh từ nông nghiệp đã khiến cho thu nhập từ nguồn này không đảm bảo an ninh cuộc sống cho một bộ phận người Khmer. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp trung bình hộ ở hai ấp khảo sát là từ 0,4 đến 0,5 ha/ hộ. Tuy nhiên, đây là mức chia trung bình, trong đó có

những hộ có nhiều đất và những hộ ít đất. Thực tế ở hai cộng đồng, diện tích đất sản xuất của hộ nông dân đang diễn ra xu hướng giảm dần vì việc chia đất khi tách hộ. Với quy mô diện tích đất sản xuất như vậy, các hộ gia đình ở các địa phương này đều thuộc diện thiếu đất sản xuất (Nguyễn Đình Hương, 1999). Nguyên nhân của việc thiếu đất sản xuất này là do sự gia tăng dân số và sự chênh lệch việc tích lũy ruộng đất trong cộng đồng. Đối với người Khmer, đất đai là nguồn tài sản quan trọng và được chia cho cả con trai và con gái. Nguồn gốc đất đai là do khai phá, được nhà nước cấp hay tự tích lũy.

Đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng chủ yếu để trồng lúa. Trước đây người dân chủ yếu trồng lúa một vụ nhưng nhờ sự tiến bộ khoa học kỹ thuật, ở các vùng thích hợp hiện nay người dân có thể làm từ hai đến ba vụ một năm, thậm chí bảy vụ trong hai năm (Trà Kháo, Trà Vinh). Quá trình thâm canh tăng vụ này bắt đầu từ giai đoạn 1993-1996. Đối với những vùng đất nông nghiệp không thích hợp cho việc sản xuất thâm canh lúa hay do sự chuyển dịch trong trồng trọt, người nông dân thường kết hợp canh tác lúa vào mùa mưa và trồng màu vào mùa nắng. Tuy nhiên, quá trình canh tác thâm canh đòi hỏi sự đầu tư khá cao về phân bón và thuốc trừ sâu, vốn phụ thuộc mạnh mẽ vào thị trường nên người dân cũng chịu nhiều rủi ro trong quá trình sản xuất. Kết quả là tuy năng suất lúa hay hoa màu tăng đáng kể nhưng đời sống người dân vẫn chưa được cải thiện rõ nét. Các trường hợp sinh kế của các hộ Khmer ở địa bàn khảo sát đã minh họa cho các phân tích trên của chúng tôi.

Chân dung hộ Khmer trồng lúa chuyên canh: hộ Thạch Del ở ấp Trà Kháo, huyện Cầu Kè thuộc hộ có thu nhập trung bình trong ấp. Hộ có sáu nhân khẩu, bao gồm bốn người lớn và hai trẻ em. Hộ có diện tích canh tác là một "mẫu" (1,3 ha). Đây là hộ có diện tích canh tác được cho là "lớn" ở trong vùng. Hộ sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa. Một năm làm ba vụ: Đông-Xuân, Hè-Thu, và Thu-Đông. Năng suất trúng nhất là 20 tấn/ ha/ năm (3 vụ). Chi phí sản xuất trung bình là 30 triệu/ha/năm cho việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu và cơ giới hóa. Với giá lúa 3.000đ/kg (năm 2009) thì thu nhập từ lúa của hộ sau khi trừ chi phí của ba vụ là 30 triệu/ năm. Dù đây là hộ làm nông nghiệp chuyên canh được cho là có thu nhập "khá" trong cộng đồng nhưng thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ trồng lúa thấp hơn một nửa so với thu nhập bình quân đầu người của vùng ĐBSCL năm 2008 (940.000đ/ người/ tháng) (Tổng cục thống kê, 2010, tr.249). Để có vốn sản xuất, chủ yếu là mua phân bón, hộ có thế chấp một mẫu đất để vay 20 triệu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hộ còn dùng số tiền vay này để mua một con bò, tư duy của hộ đó là mua bò nuôi "để dành lỡ có chuyện gì thì bán bò trả tiền cho ngân hàng". Bên cạnh ngân hàng nhà nước, mạng lưới đại lý nông nghiệp là nguồn cung cấp vốn quan trọng cho người dân địa phương, nhưng người dân phải chịu mua hàng hóa với giá cao hơn mức bình thường 10%. Gặp năm lúa thất thu, sau khi hộ thu hoạch chỉ đủ trả cho các đại lý phân bón, giống, và thuốc trừ sâu, "nhiều khi thu hoạch lúa nhưng trong nhà không có lúa vì đại lý vô tận ruộng lấy".

Chân dung hộ Khmer trồng lúa và hoa màu: hộ Thạch Thi ở ấp Sơn Lang, huyện Cầu Ngang là hộ có thu nhập trung bình trong ấp. Hộ có bốn khẩu và có diện tích "hai công" (2.000 m^2). Đất ruộng được cha mẹ bên chồng chia cho. Hộ có thuê thêm hai

công ruộng để trồng lúa với giá 10 giạ (200kg) lúa/ công/ năm. Hộ sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa và trồng màu. Năng suất lúa trung bình từ 15-20 giạ/ công/ vụ. Hộ chủ yếu trồng lúa vào mùa mưa để có lúa ăn, còn thu nhập chủ yếu của hộ là từ vụ trồng màu vào mùa khô. Theo hộ thì "trồng màu lời gấp đôi lúa". Cũng như hộ Thạch Thi, nhiều người dân trong vùng đang có xu hướng chuyển từ trồng lúa sang trồng màu, nhưng do chất đất không phù hợp vì là vùng đất thấp, nước không xổ ra ngoài nên vào mùa mưa chỉ có thể trồng lúa. Theo hộ, nếu trồng lúa "một công thu được 2 triệu, tiền lời từ 500.000đ đến 1 triệu đồng". Trong khi đó, "trồng đậu phộng thu nhập là 10 triệu/ công, sẽ được tiền lời là 7 triệu". Tuy nhiên, với diện tích canh tác ít và cũng không có nhiều đất để thuê nên thu nhập từ nông nghiệp cũng chỉ "đủ ăn, đắp đổi qua ngày, không làm giàu được". Hộ trồng lúa chủ yếu để có cái ăn. Để có thêm thu nhập cho các khoản chi phí khác, cũng như nhiều người dân trong cộng đồng, hai vợ chồng đi làm mướn tại địa phương vào những lúc nông nhàn. Hộ không "vay mượn của nhà nước", không biết về vay vốn vì "ít khi ở nhà" và "không ai kêu".

Chân dung hộ Khmer đi làm mướn: Hộ Sơn Nguol, 37 tuổi. Hộ không có đất canh tác. Gia đình có 5 nhân khẩu. Hộ sinh sống chủ yếu bằng nghề đi làm mướn. Cách đây 5 năm, người chồng tìm được việc làm vác gạo mướn ở Cầu Ngang với lương tháng 2 triệu, được bao ăn ngày hai bữa. Người con trai lớn 16 tuổi, học hết lớp 9 thì bỏ học vì "theo không nổi". Hiện người con trai này đang phụ việc cho một quán cơm ở Tp. Hồ Chí Minh, lương tháng 2 triệu, được chủ bao ăn ở, vì mới đi làm một tháng nên chưa có tiền gửi về. Người con đi làm ở thành phố do có họ hàng đi trước giới thiệu. Nhà "không có nợ nần gì," "không vay mượn gì". Một ngày chi phí ăn uống khoảng 30.000đ cho 2 vợ chồng và 2 người con nhỏ. Người vợ chủ yếu ở nhà trông con. Chi phí nhiều nhất của gia đình là các đám tiệc như đám giỗ, đám làm phước ở chùa, giỗ ông Lục Cả. Số tiền đi "làm phước" ở chùa thường là 50.000đ nếu có thiệp mời, nếu không có thiệp mời là 20-30.000đ. Theo hộ, tuy không có đất nhưng may mắn vì có việc làm, có tiền nhưng hộ cũng nhận thức là "việc làm mướn không ổn định vì có tiền nhưng làm nặng, mất sức khỏe, nghỉ ngày nào là không có tiền ngày đó".

Chân dung hộ Khmer nuôi tôm: Hộ Lý Sang, 40 tuổi, ở Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh có 2.000 m^2 ở "đồng mặn"[1]. Nhà có 4 nhân khẩu, thuộc diện hộ cận nghèo trong ấp. Hiện nay nghề nghiệp chính của hai vợ chồng - lao động chính trong gia đình là làm ruộng và đi làm mướn. Khi phong trào nuôi tôm diễn ra vào những năm 1990 tại địa phương, gia đình anh cũng tích cực tham gia. Lý do chuyển từ trồng lúa sang nuôi tôm của hộ đó là do đất bị nhiễm mặn nên năng suất không được cao. "Mỗi công được khoảng 20 giạ nếu trúng. Mỗi năm chỉ trồng được một vụ lúa. Thời gian còn lại thì đất ruộng để trống. Sau này khi thấy họ nuôi tôm trúng, thu lời cao nên tôi chuyển sang nuôi tôm với hy vọng thay đổi cuộc sống". Đất ruộng trồng lúa trước đây không hiệu quả giờ lại trở thành một lợi thế để nuôi tôm. Tuy nhiên, kết quả của việc chuyển từ trồng lúa sang nuôi tôm với

[1] "Đồng mặn" được dùng để chỉ vùng đất bị nhiễm mặn. Ở các vùng đất này, trước khi nuôi tôm, người dân thường chỉ trồng lúa một vụ với năng suất thấp.

hy vọng đem lại lợi ích kinh tế cao hơn lại kết thúc bằng việc vào năm 2009, anh đã "không dám nuôi tôm" vì chỉ riêng năm đó anh đã lỗ gần 15 triệu đồng. Đây là một số tiền rất lớn đối với thu nhập của hộ. Mức độ rủi ro của tôm rất cao theo miêu tả của hộ đó là "nếu xóm này có 100 hộ thì chỉ có từ 5 đến 6 hộ nuôi trúng." Hiện nay, hộ đã chuyển lại trồng lúa "để có cái ăn" và đi làm mướn để sinh kế và trả nợ vay nuôi tôm. Hộ đã trả được nợ do nuôi tôm và "bên Hội phụ nữ xã cũng giúp mình, có sổ vay vốn, nhưng mình không dám vay. Họ có sang nói là hỗ trợ gia đình cho vay vốn để nuôi tôm nhưng vì sợ nuôi tôm bị lỗ nên không dám vay nữa"...

Qua thực trạng sinh kế của một số hộ nông dân người Khmer, chúng tôi thấy là hiện nay sự phát triển của khoa học kỹ thuật chú trọng đến việc tăng năng suất và đa dạng cây trồng vẫn chưa giải quyết được nan đề diện tích sản xuất nông nghiệp hạn chế. Bên cạnh đó, do sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên và thị trường nên nguồn thu này cũng có nhiều rủi ro về sản lượng và giá cả. Để sinh tồn, tăng thu nhập cho hộ gia đình, di cư lao động là một lựa chọn của nhiều cá nhân và hộ gia đình người Khmer vùng nông thôn ĐBSCL. Hiện nay, thông tin liên lạc và giao thông thuận tiện là các yếu tố thuận lợi giúp cho người Khmer di cư lao động đến các thành phố lớn, nơi có quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa đang phát triển mạnh mẽ. Quá trình di cư lao động này diễn ra tự phát ở cấp độ cá nhân và hộ gia đình.

Như vậy, tuy có rất nhiều chính sách hỗ trợ cho người Khmer ở vùng nông thôn để phát triển kinh tế nhưng hiệu quả của các chương trình này còn hạn chế do quá trình thực hiện và do hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp ít nên "các hành trình cong" là những chiến lược sinh tồn hiện nay của người Khmer mà trong đó di cư lao động là một chiến lược quan trọng.

2. Di cư lao động nông thôn - đô thị của người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Di cư hay xuất cư lao động được đề cập đến trong bài này là hiện tượng di chuyển chỗ ở đến một địa phương khác để có việc làm và cư trú tại địa phương đến nhưng vẫn gắn kết với cộng đồng tại nơi xuất cư. Dòng di cư chủ yếu của người Khmer ở địa điểm khảo sát chủ yếu đi đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Dương, Đồng Nai và Tp.Hồ Chí Minh. Trong những năm gần đây, dòng di cư còn mở rộng đến tỉnh Lâm Đồng. Các công việc chủ yếu của người di cư ở nơi đến là làm công nhân, phụ hồ, khuân vác, giúp việc, thu hái cà phê, mía, lao động phổ thông. Tùy theo tính chất công việc, thời gian di cư thường là vào những tháng nông nhàn hay vào những lúc nơi khác vào mùa vụ hoặc làm quanh năm. Để có được những công việc này, người Khmer dựa vào *mạng lưới phi chính thức*, đó là thông tin từ những người môi giới việc làm tại địa phương, những người mà họ phải trả từ 300 đến 500.0000đ mỗi khi nhận được việc làm, hay thông tin "miễn phí" từ những người thân hoặc hàng xóm đã đi làm trước. Bức tranh di cư lao động của cộng đồng người Khmer từ góc độ bất ổn sinh kế được minh họa qua các trường hợp cụ thể ở các hộ gia đình Khmer sau:

Chân dung hộ Khmer làm nông nghiệp di cư lao động tạm thời: Hộ Kim Thị Sa Mít ở ấp Sơn Lang có bảy nhân khẩu. Hộ có diện tích trồng lúa 2.000 m^2 "ở đồng ngọt"

(vùng đất không bị nhiễm mặn), diện tích nuôi tôm 5.000 m^2 "ở đồng mặn". Một năm hộ thu hoạch lúa trúng nhất là từ 1,6 đến 2 tấn (2 vụ) nhưng thu hoạch từ lúa chủ yếu "bán đi để trả tiền máy cày, máy xới, phân bón. Sau khi trừ hết các chi phí thì gia đình còn dư khoảng 120 kg lúa." Hộ có nuôi tôm nhưng do lỗ liên tục nhiều năm nên hiện giờ còn nợ nhà nước 12 triệu. Số tiền này hộ vay để làm ao nuôi tôm. Khi không còn kỳ vọng vào lợi nhuận từ tôm để trả nợ thì hộ quyết định đi làm mướn kiếm tiền trả tiền vay của nhà nước. Hàng năm, khi hết mùa nuôi tôm, hai vợ chồng "đi làm ăn ở miền trên, trồng mía, trồng khoai,... gặt bên Đồng Tháp". "Người ta mướn gì làm nấy" hay đi "lượm hột điều ở Đăk Nông, trồng mía ở Đồng Nai. Tiền công đàn ông 100.000đ/ ngày, phụ nữ 80.000đ/ ngày, được bao ăn ở". Lý do hộ đi làm ở các tỉnh xa đó là "đi xa công cao hơn nhưng cái gì cũng mắc hơn, nhưng phải đi vì ở đây không có việc". Thường một năm hộ di cư khoảng hai tháng, khi đi làm xa, cả gia đình gồm vợ chồng và ba người cùng đi. Cha mẹ già ở lại trông coi nhà cửa.

Chân dung lao động trẻ người Khmer di cư lao động: Thị Dung là con gái lớn trong gia đình có bốn anh chị em. Gia đình Dung có 5.000 m^2 ở "đồng mặn". Trước đây, do đất thường xuyên bị nhiễm mặn nên trồng lúa không có năng suất. Hiện nay, theo chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế của xã, hộ đã chuyển từ trồng lúa một vụ sang nuôi tôm nhưng việc nuôi tôm này thường xuyên bị thất bại nên hiện nay hộ không còn nuôi tôm nữa. Hộ có vay 5 triệu đồng của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam với tư cách là thành viên của tổ sản xuất liên tổ Đoàn thanh niên - nông dân của ấp. Hộ vay số tiền này dự định để mua bò về nuôi nhưng do số vốn vay không đủ mua bò nên hộ phải chuyển sang mua heo. Dung học đến lớp 8 thì nghỉ học. Ngay sau đó, cô được bà Đ ở trong xóm dẫn lên Tp.Hồ Chí Minh để giúp việc nhà. Tính đến nay, Dung đã giúp việc cho chủ nhà được 9 năm. Lý do cô muốn đi làm ở thành phố vì muốn kiếm tiền "chứ ở đây không có việc gì làm, thấy người ta đi được sung sướng, về có quần áo đẹp, có vàng đeo". Lương tháng hiện nay của Dung là 1,7 triệu đồng/ tháng. Một năm cô được về thăm nhà hai lần vào dịp tết Cholchonamtho may (thường trùng vào tháng 4 dương lịch), và lễ Dol ta (thường trùng vào tháng 8 dương lịch). Còn vào dịp Tết của người Việt thì cô ở lại nhà chủ để phụ giúp. Cô lấy chồng được một năm nay. Chồng cô cũng là người Khmer, đang đi làm phụ hồ cho một công trình tại Tp. Hồ Chí Minh. Em gái thứ tư của cô cũng đang đi giúp việc cho một gia đình. Em trai thứ ba của cô thì phụ giúp cho một quán ăn cũng ở thành phố, lương tháng 1 triệu đồng.

Chân dung hộ nông nghiệp Khmer di cư lao động cả gia đình: Hộ Thạch Thị Bai ở ấp Trà Kháo, huyện Cầu Kè có diện tích sản xuất là 2.000 m^2 do cha mẹ chia, hộ có 4 người. Số người di cư lao động là 3 người. Hộ di cư lao động từ năm 2008 "do làm ruộng không đủ ăn và làm lúa thất thu". Lúc đầu chị Bai và con gái lớn đi làm cho một cơ sở may bao bì ở Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh. Sau một năm làm việc tại đây, cơ sở nơi chị làm cần tuyển thêm lao động nên chị đã kêu chồng chị lên cùng làm. Thu nhập ba người được khoảng 3 triệu đồng/ tháng, trừ tiền thuê nhà (400 ngàn đồng) và ăn uống còn dư được khoảng 800 ngàn đồng. Hiện nay, nhà chỉ còn người con trai út 17 tuổi đang học lớp 9 ở lại để đi học. Ruộng đem cho thuê một năm được khoảng 10 giạ. Người con trai út vào dịp hè cũng lên thành phố làm việc khoảng 2 đến 3 tháng. Việc

làm này do người quen trong xóm đang đi làm ở thành phố giới thiệu nên không mất tiền hoa hồng. Một năm cả gia đình về nhà khoảng từ năm đến sáu lần vào các dịp lễ và "đám này đám kia".

Như vậy, di cư lao động của người Khmer hiện nay có đặc điểm là người di cư lao động không chỉ là những người không có đất đai mà còn bao gồm cả những người có đất sản xuất nhưng gặp bất ổn trong sinh kế nông nghiệp. Di cư của những đối tượng này có đặc điểm tạm thời. Các cuộc tiếp xúc với những người xuất cư trở về hay về thăm nhà cho thấy cuộc sống gắn bó và đầu tư lâu dài của người Khmer vẫn là ở cộng đồng gốc. Di cư lao động đối với một bộ phận cư dân chỉ là việc làm bất đắc dĩ. Phân khúc di cư lao động ở cộng đồng người Khmer chủ yếu diễn ra ở những đối tượng có trình độ học vấn thấp và không có tay nghề. Nếu có điều kiện họ vẫn ưu tiên chọn làm việc tại cộng đồng vì sức hút của cộng đồng tộc người và của ý niệm về "quê nhà" như một chỗ dựa cho tương lai khi hết sức lao động. Sức hấp dẫn của một trang trại tư nhân đối với cư dân ấp Sơn Lang, huyện Cầu Ngang là một minh chứng. Tuy trang trại này chỉ giải quyết được khoảng vài chục lao động phổ thông ở địa phương với mức lương tương đối (trung bình từ 800 đến 1 triệu đồng/ tháng), nhưng theo quan niệm của nhiều người Khmer, có được việc làm tại trang trại là "*cái may*" của nhiều người vì họ không phải đi làm xa. Nam nữ thanh niên khi đã lập gia đình có xu hướng trở về cộng đồng dù cuộc sống tại đây có khó khăn hơn vì "ở đây có nhà chứ ở thành phố toàn đi thuê". Kết quả nghiên cứu của Huynh Truong Huy cho thấy, trình độ giáo dục của người Khmer ở Trà Vinh di cư đa số là chưa qua đào tạo (84,66%) và độ tuổi di cư lao động từ 15 đến trên 40 (Huynh Truong Huy, 2009, tr.16). Ngoài ra, do đặc điểm công việc là "làm ngày nào ăn ngày đó" nên bảo hiểm cho tương lai sau khi hết tuổi lao động đều dựa vào con cái. Do thực trạng cuộc sống bấp bênh của người Khmer nên các nghiên cứu về di cư lao động người Khmer thường nhấn mạnh đến nhu cầu cần có chính sách bảo trợ xã hội đối với những người di cư lao động này (Nguyễn Thị Hòa, 2009; Đặng Nguyên Anh, 2008; Le Bach Duong và các tác giả, 2011).

Người di cư lao động bao gồm nhiều lứa tuổi kể cả những người chưa đến tuổi lao động. Hiện nay, ở các cộng đồng người Khmer ở các vùng nông thôn ĐBSCL phổ biến trẻ em bỏ học sớm để di cư lao động dẫn đến xu hướng trẻ hóa lực lượng di cư lao động. Để phụ giúp gia đình, ngoài thời gian đi học, trẻ em còn phụ giúp gia đình trong công việc đồng áng, đi làm mướn với cha mẹ tại địa phương hay ở các địa phương với mức thù lao thấp hơn của người lớn. Quan điểm của những người bỏ học và có con bỏ học là "ở đây dân học hết phổ thông là nghỉ rồi, học sau này có biết làm được gì không, học nhưng sau này phải có chân tay (người quen) mới xin được việc làm". Do vậy, lứa tuổi nghỉ học phổ biến để đi làm là trong độ tuổi học cấp hai. Đây là lứa tuổi các em nghỉ học có thể đi làm được. Lực lượng lao động trẻ em người Khmer thường di cư cùng với gia đình hay người thân và làm việc cho phân khúc thị trường lao động phổ thông ở các nơi di cư đến.

Di cư lao động có đóng góp tích cực đối với cuộc sống của người Khmer đó là tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống và tăng cường mạng lưới xã hội, kiến thức xã hội và vốn sống cho bản thân người di cư (Huynh Truong Huy, 2009; Nguyễn Thị Hòa, 2009; và Phillip Taylor, 2007). Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy kết quả tương tự. Tất cả

người Khmer di cư chúng tôi tiếp xúc đều cho biết, việc di cư lao động đến nơi khác giải quyết công ăn việc làm và giúp cho họ có thể sinh tồn trong bối cảnh bất ổn về sinh kế. Thu nhập việc làm tại nơi đến "cũng đỡ, đủ xài, đủ ăn, ở quê mình đâu có sống nổi", "đi làm mới có dư, làm ở nhà không có dư, làm hơn tháng cả gia đình được 5 đến 6 triệu nhưng về tới nhà mình thất nghiệp, mình lại ăn hết trơn". Nhờ có tiền gửi từ thu nhập của người di cư lao động, các hộ Khmer có tiền "để mua lúa giống, mua heo nuôi, dư thì đi chợ hàng ngày, xây nhà, chữa bệnh, đi chùa".

Bên cạnh những yếu tố tích cực đó, theo quan sát của chúng tôi, di cư lao động cũng có tác động tiêu cực đến cộng đồng, đó là làm thay đổi kết cấu xã hội tự nhiên. Hiện nay, ở các cộng đồng người Khmer ở vùng nông thôn ĐBSCL, người ở lại chủ yếu là những người già và trẻ em. Bên cạnh đó, di cư lao động có ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm gia đình và sự gắn bó cộng đồng do các thành viên phải đi làm ăn xa. Những gia đình di cư thường phải gửi con lại cho cha mẹ hay họ hàng trông nom trong khoảng thời gian dài nên việc thiếu thốn tình cảm và sự dạy dỗ của cha mẹ chắc chắn sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến tâm lý phát triển của trẻ em. Ngoài ra, đối với những hộ di cư lao động cả gia đình, việc di cư lao động thường làm gián đoạn việc học của các con khi chúng phải đi cùng cha mẹ đến nơi làm việc. Việc không theo kịp chương trình học cộng hưởng với tác động của các "tấm gương" những thanh thiếu niên Khmer bỏ học sớm di cư lao động kiếm được tiền phụ giúp gia đình đã thúc đẩy trẻ em người Khmer bỏ học. Do tính hấp dẫn của việc di cư lao động như là một chiến lược sinh kế quan trọng trong bối cảnh hiện nay nên ở cộng đồng người Khmer vẫn còn tồn tại quan điểm đầu tư vào số con như một nguồn bảo hiểm của nhiều người Khmer. "Người ta giàu thì có của này của kia, mình nghèo thì đẻ nhiều để mai mốt nhờ con. Nó lớn chút là đi làm được rồi, bây giờ mình nuôi nó cực khổ hơn người ít con nhưng về già sướng hơn. Đẻ nhiều tuy khổ nhưng sau này già nó nuôi, mất đứa này được đứa kia" (Thạch Thi, nữ, Cầu Ngang, 30 tuổi, có 4 người con).

Tóm lại, di cư lao động có vai trò tích cực trong việc tăng thu nhập cho hộ gia đình nhưng những tác động tiêu cực của quá trình này đặt ra những thách thức cho sự phát triển của vùng nông thôn Khmer.

Bất ổn sinh kế, lực đẩy quan trọng của di cư lao động là một thách thức quan trọng cho sự phát triển vùng nông thôn, nơi sinh sống chủ yếu của cộng đồng người Khmer. Các nguyên nhân của bất ổn sinh kế hiện nay là do diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít, rủi ro trong nông nghiệp cao và không sẵn có các việc làm nông nghiệp và phi nông nghiệp tại địa phương. Chính các yếu tố này đã làm tăng cường độ cho các lực hút lao động ở các địa phương khác. Tuy nhiên, với đặc thù của lực lượng lao động người Khmer vốn không có tay nghề và trình độ học vấn thấp, di cư lao động của cộng đồng người Khmer có tính chất tạm thời, chủ yếu để giải quyết nhu cầu cấp bách sinh tồn hiện tại. Giáo dục thường được xem như một trong những phương cách quan trọng để đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển của địa phương nhưng vòng luẩn quẩn bất ổn sinh kế-nghèo-thất học đã khiến cho vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người Khmer dựa trên giáo dục còn nhiều bất cập. Hiện nay, ngôn ngữ vẫn là một rào cản quan trọng đối với trẻ em Khmer trong hệ thống giáo dục phổ thông. Do ngôn ngữ sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày và quá trình xã hội hóa trong cộng đồng đều bằng tiếng

Khmer nên khi đến tuổi đi học, nhiều trẻ em người Khmer không theo kịp chương trình ở các lớp học căn bản và ảnh hưởng đến các cấp học sau đó. Hiện tượng bỏ học thường diễn ra ở các cấp tiểu học và trung học phổ thông. Bên cạnh đó, tuy các chương trình phát triển kinh tế cho người Khmer ở vùng nông thôn ĐBSCL như các chương trình khuyến nông và đặc biệt là các chương trình hỗ trợ hay cho vay vốn được triển khai đa dạng và rộng khắp nhưng hiệu quả còn thấp, thể hiện qua việc người Khmer chưa tiếp cận được nguồn vốn vay hay sử dụng nguồn vốn vay chưa hiệu quả. Thậm chí có hiện tượng di cư lao động của người Khmer hiện nay là giải pháp để giải quyết "hậu quả" của các chương trình phát triển này.

Qua phân tích vấn đề di cư lao động từ góc nhìn bất ổn sinh kế, chúng tôi thấy rằng việc phát triển vùng nông thôn người Khmer ở ĐBSCL còn nhiều thách thức, trong đó giáo dục và việc thực thi các chính sách phát triển nông nghiệp nổi lên như những việc làm quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (2008), "Nhập cư và bảo trợ xã hội ở Việt Nam". Báo cáo khoa học tại hội thảo *An sinh xã hội ở Việt Nam: Chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới*. Ngày 9 tháng 9 năm 2008. Hà Nội.
2. Le Bach Duong, Tran Giang Linh, Nguyen Thi Phuong Thao (2011), "Social Protection for Rural – Urban Migrants in Vietnam: Current Situation, Challenges and Opportunities." *CSP Research Report 08*.
3. Huynh Truong Huy (2009), "Analysis of Labor Migration Decision: Its Determinants and Benefits, the Case of Khmer Families in Tra Vinh province of Vietnam." *DEPOSEN WORKING PAPER SERIES*. No. 2009/20.
4. Nguyễn Đình Hương (1999), *Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Le Thanh Sang (2007), Urban Migration in Pre and Post – Reform Viet Nam: Macro Pattern and Determinants of Urbanward Migration , the 1984-1089 and 1994-1999 Periods. *Proceeding of the 8th International Conference of Asia Pacific Migration Research Network*. p. 92-103. 26-29 May 2007. Fujian Normal University. Fuzhou, Fujian, China.
6. Michael Todaro (1997), *Economic Development*. Addion Wesley Enland. The sixth edition.
7. Nguyễn Thị Hòa (2009), "Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới thành phố Hồ Chí Minh (Nghiên cứu tại phường 9, thị xã Trà Vinh)". *Kỷ yếu hội thảo Việt Nam học lần thứ ba*. Tr. 350-374.
8. Taylor, Phillip (2007), "Poor Policies, Wealthy; Alternative Trajetories of Rural Development in Vietnam". *Journal of Vietnamese Studies*, Aug 2007, Vol. 2, No. 2: 3-56.
9. Tổng cục thống kê (2009). *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*. www.gso.gov.vn.
10. Tổng cục thống kê (2009).*Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 - Di cư và đô thị hoá ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt.* www.gso.gov.vn.
11. Tổng cục thống kê (2010). *Niên Giám thống kê tóm tắt 2010*. www.gso.gov.vn.